

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VIỆT YÊN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 194/2022/HS-ST

Ngày: 14 - 11 - 2022

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Ngô Quang Dũng

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Thân Văn Nhân

Ông Nguyễn Đức Hiền

**- Thư ký phiên toà:** Ông Lê Duy Tuyên- Thư ký Toà án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Thùy- Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 205/2022/TLST-HS ngày 20/10/2022 theo Quyết định đưa ra xét xử số 197/2022/QĐXXST-HS ngày 01/11/2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Văn Q**, sinh năm 1995 tại xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Nơi cư trú: Thôn A, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 6/12; Con ông Lê Văn C và con bà Vi Thị B; Có vợ: Lý Thị H và có 01 con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/9/2022 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam- Công an tỉnh Bắc Giang (có mặt).

**- Bị hại:** Anh Trần Văn T, sinh năm 1990; Nơi đăng ký HKTT: Khu C, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương; Nơi ở: Thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Anh Phạm Phi T1, sinh năm 1994; Nơi đăng ký HKTT: Thôn P, xã Q, huyện B, tỉnh Bắc Kạn; Nơi ở: Tổ dân phố H3, thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

- **Người làm chứng:** Chị Phan Thị Bảo C, sinh năm 1996; Nơi cư trú: Bản H, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Văn Q và anh Trần Văn T quen biết chơi với nhau. Ngày 23/3/2022, anh T tổ chức ăn uống tại phòng trọ ở thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Trước khi ăn uống, Q đã mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu sơn xanh trắng, biển kiểm soát 98B1- 866.83 của anh T để đi đón bạn là anh Vi Văn L- sinh năm 1995, trú tại thôn A, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang đến phòng trọ của T cùng ăn uống. Anh T giao xe cho Q đi đón anh L rồi về phòng trọ của anh T, rồi trả lại xe cho anh T. Ăn uống ở nhà anh T có anh T, Q, anh L và chị Phan Thị Bảo C. Đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, Q hỏi anh T cho mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, biển kiểm soát 98B1- 866.83 để đi ra ngoài nhưng anh T không đồng ý, anh T cầm chìa khóa xe của mình đi về phòng trọ và để chìa khóa ở bàn uống nước trong phòng để đi tắm, còn anh L đi bộ về. Lúc này, Q quan sát không thấy anh T ở sân nhà trọ nên Q nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu sơn xanh trắng, biển kiểm soát 98B1- 866.83 của anh T đi cầm cố lấy tiền chi tiêu cá nhân. Q vào phòng trọ của anh T, lấy chiếc chìa khóa xe anh T để trên bàn trong phòng trọ, rồi đi ra vị trí dựng chiếc xe mô tô dắt xe ra cổng khu trọ, mở khóa điều khiển xe đi. Trên đường đi, Q gặp anh L đang đi bộ, Q đã chở anh L đến thôn C, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Sau đó, Q một mình điều khiển xe mô tô đến quán cầm đồ ở xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang (không nhớ cụ thể quán nào) cầm cố chiếc xe mô tô được số tiền 4.000.000 đồng, số tiền này Q đã chi tiêu cá nhân hết. Anh T sau khi tắm xong, không thấy chìa khóa xe và chiếc xe mô tô của mình đâu, anh T hỏi chị C, anh L thì được biết Q đã lấy chiếc xe mô tô của anh T đi. Anh T đã liên lạc với Q để đòi xe và yêu cầu Q trả xe, Q nói với anh T đã cầm chiếc xe của anh T và hẹn sẽ chuộc xe trả anh T nhưng Q không thực hiện.

Ngày 04/4/2022, anh Trần Văn T đã trình báo đến Công an xã Tn, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Ngày 08/4/2022, Công an xã T đã bàn giao tài liệu có liên quan cho Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện Việt Yên để điều tra theo thẩm quyền.

Tại kết luận định giá tài sản số 51/KL-HĐĐGTS ngày 26/5/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Việt Yên kết luận: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Exciter, màu xanh trắng, biển kiểm soát 98B1-866.83 có trị giá 12.000.000 đồng.

Ngày 01/6/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện Việt Yên đã tiến hành kiểm tra điện thoại nhãn hiệu Samsung, màu đen của anh Trần Văn T. Kết quả

kiểm tra điện thoại tại ứng dụng “Zalo” có tin nhắn của tài khoản Zalo tên “Biết đâu đây” với nội dung tài khoản này nhắn đã cấm xe mô tô của anh T. Cơ quan điều tra đã sao in nội dung tin nhắn cuộc trò chuyện này ra. Ngày 30/9/2022, Cơ quan điều tra cho Q xác định nội dung tin nhắn, Q xác nhận tài khoản Zalo tên “Biết đâu đây” là của Q đang nói chuyện với anh T về nội dung Q đã cấm chiếc xe của anh T, khi anh T phát hiện đã yêu cầu Q trả xe cho anh T nhưng Q không trả được.

Ngày 03/6/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện Việt Yên đã tiến hành cho chị Phan Thị Bảo C nhận dạng qua ảnh đối tượng đã lấy chiếc xe mô tô của anh T ngày 23/3/2022. Kết quả chị C nhận dạng ra Lê Văn Q là người đã lấy chiếc xe mô tô của anh T ngày 23/3/2022.

Ngày 05/6/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện Việt Yên đã tiến hành khám nghiệm hiện trường nơi xảy ra sự việc tại khu nhà trọ tại nhà ông Lê Đức T- sinh năm 1970, trú tại thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Kết quả không thu giữ được đồ vật, tài sản gì.

Ngày 10/8/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện Việt Yên đã ra Quyết định truy tìm vật chứng là chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Exciter, màu sơn xanh trắng, biển kiểm soát 98B1-866.83 nhưng không kết quả.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện Việt Yên đã tiến hành triệu tập Lê Văn Q nhưng không đến làm việc. Kết quả xác minh Q không có mặt tại gia đình, địa phương. Ngày 26/9/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện Việt Yên ra Quyết định truy nã đối với Lê Văn Q. Ngày 29/9/2022, Lê Văn Q đến Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện Việt Yên đầu thú, khai nhận về hành vi trộm cắp tài sản của mình.

Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Exciter, màu sơn xanh trắng, biển kiểm soát 98B1- 866.83, kết quả điều tra xác định chiếc xe này đứng tên đăng ký anh Phạm Văn C- sinh năm 1978, trú tại: thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Anh C khai đứng tên đăng ký hộ anh Phạm Phi T1- sinh năm 2000, hộ khẩu thường trú: thôn P, xã Q, huyện B, tỉnh Bắc Kạn và chỗ ở: Tổ dân phố H3, thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Anh T1 cho anh T mượn chiếc xe mô tô trên làm phương tiện đi lại.

Tại bản Cáo trạng số 204/CT-VKS ngày 20/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang đã truy tố bị cáo Lê Văn Q về tội “Trộm cắp tài sản”, theo Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Văn Q đã thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình như lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra có trong hồ sơ vụ án.

Kiểm sát viên thực hành công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo Lê Văn Q, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng Khoản 1 Điều 173, các điểm i, s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Lê Văn Q từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự, Điều 584, 589 của Bộ luật dân sự; Buộc bị cáo Lê Văn Q phải bồi thường cho anh Trần Văn T 12.000.000 đồng.

Ngoài ra còn đề nghị miễn án phí cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Việt Yên, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên là hợp pháp, không vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo Lê Văn Q tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai của bị hại, người tham gia tố tụng khác và các tài liệu chứng cứ thu thập được nên có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 19 giờ phút ngày 23/3/2022, tại nhà trọ tại của ông Lê Đức T- sinh năm 1970 ở thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang; Lê Văn Q đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu sơn xanh trắng, biển kiểm soát 98B1- 866.83 có giá trị 12.000.000 đồng của anh Trần Văn T- sinh năm 1990, trú tại khu C, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

[3] Bị cáo Lê Văn Q có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm hại quyền sở hữu tài sản của người khác. Giá trị tài sản bị cáo trộm cắp là 12.000.000 đồng. Do vậy, hành vi phạm tội của bị cáo Lê Văn Q có đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, vi phạm vào Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, nên Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố bị cáo là có căn cứ.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về nhân thân: Bị cáo Lê Văn Q có nhân thân tốt vì ngoài lần phạm tội này, bị cáo chưa bị kết án, chưa bị xử lý hành chính lần nào.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lê Văn Q không phải chịu tình tiết nào quy định tại Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo Lê Văn Q đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội bị truy nã đã ra đầu thú; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Căn cứ tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, căn cứ vào các tình tiết của vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, yêu cầu đấu tranh tội phạm xâm hại quyền sở hữu tại địa phương, cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo và xử phạt bị cáo mức án tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội và hậu quả mà bị cáo gây ra, góp phần đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung và tội phạm xâm hại quyền sở hữu nói riêng.

Bị cáo sau khi phạm tội đã bỏ trốn bị truy nã, không bồi thường cho bị hại nên cần xử lý nghiêm và cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian như đề nghị của Viện kiểm sát để giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

Bị cáo thuộc diện hộ nghèo nên không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Trần Văn T yêu cầu trả lại xe hoặc bồi thường giá trị chiếc xe nếu không thu hồi được. Chiếc xe mô tô anh T là người quản lý, cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không có kết quả, do vậy cần buộc bị cáo bồi thường cho anh T số tiền 12.000.000 đồng như kết quả định giá. Quan hệ dân sự giữa anh T và anh T1 được giải quyết ở vụ án khác nên có yêu cầu.

[7] Về án phí: Bị cáo Lê Văn Q thuộc diện hộ nghèo cần miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo theo quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

[8] Người tham gia tố tụng được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

**Vì các lẽ trên;**

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Về trách nhiệm hình sự:

Căn cứ Khoản 1 Điều 173, các điểm i, s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Lê Văn Q 09 (Chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ (ngày 29/9/2022).

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 589 của Bộ luật dân sự;

Buộc bị cáo Lê Văn Q phải bồi thường cho anh Trần Văn T 12.000.000 (Mười hai triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Căn cứ vào Điểm đ Khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo Lê Văn Q.

4. Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Việt Yên;
- Công an, Cơ quan CSĐT huyện Việt Yên;
- Trại tạm giam;
- Chi cục THADS huyện Việt Yên;
- Bị cáo;
- Dương sự vắng mặt;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**(Đã ký)**

**Ngô Quang Dũng**

